

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2020

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình -
ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L X.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Bích Ph, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp A L, xã Ch L, huyện Tr T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn U, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 06, đường L L, khóm B L1, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang.

(Bà Ph có đơn xin vắng mặt; ông U vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/4/2019 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Bích Ph trình bày:

Bà Ph và ông U kết hôn ngày 29/3/1991 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan

điểm. Bà Ph nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không đạt được mục đích nên bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn U. Cụ thể:

Về con chung: Bà Ph và ông U có 02 (hai) con chung tên Bùi Thu Th, sinh ngày 04/7/1992 và Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 06/12/1997 hiện đã trưởng thành và tự lập được; không tranh chấp về con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph và ông U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

Bị đơn Bùi Văn U vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Ph yêu cầu ly hôn với ông U; bị đơn có địa chỉ số 06, đường L L, khóm B L1, phường M B, thành phố L X, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân và gia đình:

Hôn nhân giữa bà Ph và ông U trên cơ sở tự tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thời gian ly thân từ năm 2016 đến nay cả hai không có biện pháp hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy ông U không cung cấp lời khai liên quan đến yêu cầu khởi kiện nhưng ông đã trực tiếp ký nhận văn bản tố tụng của Tòa điều này cho thấy mặc nhiên ông từ bỏ quyền của mình; bên cạnh đó có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Ph là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Bà Ph và ông U có 02 (hai) con chung tên Bùi Thu Th, sinh ngày 04/7/1992 và Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 06/12/1997 hiện đã trưởng thành và tự lập được; không tranh chấp về con. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của bà Ph không nợ chung ai, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có căn cứ cho rằng nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà Ph và ông U phải chịu trách nhiệm liên đới với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí:

Bà Ph có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích Ph đối với ông Bùi Văn U :

+ Về hôn nhân và gia đình: Bà Võ Thị Bích Ph được ly hôn với ông Bùi Văn U

+ Về con chung: Bà Ph và ông U có 02 (hai) con chung tên Bùi Thu Th, sinh ngày 04/7/1992 và Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 06/12/1997 hiện đã trưởng thành và tự lập được; không tranh chấp về con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002987 ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L X, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo:

+ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

+ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong